

Án số: 42 /2024/HNGĐ-ST

Ngày: 14-5-2024

V/v “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN, TỈNH THÁI NGUYÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Dương Thị Liên

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Sinh Tụ

2. Ông Nguyễn Quang Huy

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Nguyễn Thị Giang – Thư ký
Toà án nhân dân thành phố Thái Nguyên tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên: Bà – Kiểm sát viên.

Ngày 14/5/2024 tại trụ sở Toà án nhân dân Thành phố Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 56/2024/TLST-HNGĐ ngày 24/01/2024 về “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử 40/2024/QĐST-HNGĐ ngày 03/5/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị U, sinh năm 1979 (Có mặt).

Địa chỉ: Tổ 1, phường Chùa Hang, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

Chỗ ở: Tổ 3, phường Trưng Vương, TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

Bị đơn: Anh Đông Văn H, sinh năm 1979 (Có mặt).

Địa chỉ: Tổ A, phường C, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và trong quá trình giải quyết vụ án các đương sự trình bày như sau:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị U trình bày:

Tôi và anh Đông V Hoà kết hôn với nhau vào năm 2003 tại UBND thị trấn C, huyện Đ (nay là phường C, TP T). Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc

cho đến năm 2020 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm là do anh H thường xuyên chơi bời không chăm lo cho gia đình, vợ con. Tôi và anh H sống ly thân từ 4 năm nay. Tôi đã mang cháu Đông Thị Minh H1 ra ngoài ở trọ, tại phường T.

Đến nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn. Vì vậy tôi thấy mâu thuẫn đã trở nên trầm trọng, mục đích hôn nhân tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn, vì vậy đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh H.

- Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng tôi có 02 con chung là Đông Thị Khánh H2, sinh ngày 07/7/2000 và Đông Thị Minh H1, sinh ngày 21/9/2014. Khi ly hôn tôi muốn nuôi con Đông Thị Minh H1, sinh ngày 21/9/2014, tôi không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Còn con Đông Thị Khánh H2, sinh ngày 07/7/2000, đã trưởng thành, cháu ở với ai do cháu tự quyết định.

- Về tài sản chung, nợ chung và các khoản cho vay: Vợ chồng tôi không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Đông Văn H trình bày: -Về quan hệ vợ chồng: Anh H xác định thời gian kết hôn năm 2002 và nơi đăng ký kết hôn như chị U trình bày là đúng. Tuy nhiên, sau khi kết hôn đến năm 2003 thì chúng tôi mới đi đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn C, huyện Đ (nay là phường C, TP T). Quá trình chung sống vợ chồng sống với nhau bình thường, cho đến khoảng năm 2020 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, vì tôi có vướng vào tện nạn xã hội, không chăm lo cho gia đình, vợ con.

Vợ chồng tôi đã sống ly thân khoảng 4 năm nay. Tuy nhiên, tôi xác định tôi không còn tình cảm với chị U, nay chị U làm đơn đề nghị Toà án giải quyết ly hôn, tôi đồng ý.

- Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng tôi có 02 con chung là Đông Thị Khánh H2, sinh ngày 07/7/2000 và Đông Thị Minh H1, sinh ngày 21/9/2014. Nếu phải ly hôn thì tôi muốn nuôi con Đông Thị Minh H1, sinh ngày 21/9/2014, tôi không yêu cầu chị U cấp dưỡng nuôi con. Còn con Đông Thị Khánh H2, sinh ngày 07/7/2000, đã trưởng thành, cháu ở với ai do cháu tự quyết định.

- Về tài sản chung, nợ chung và các khoản cho vay: không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành Hoà giải nhưng không thành do đó, Tòa án không mở phiên toà xét xử vụ án.

Tại phiên tòa, Nguyên đơn chị Nguyễn Thị U vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị HĐXX cho chị được ly hôn anh Đông Văn H, về con chung là Đông Thị Minh H1, sinh ngày 21/9/2014 đề nghị giao cho chị chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác; con Đông Thị Khánh H2 sinh ngày 07/7/2000 đã trưởng thành cháu ở với ai do cháu quyết định. Về cấp dưỡng nuôi con không đề nghị Tòa án giải quyết; Về tài sản chung và nợ chung: chị xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Đông Văn H, xác định do anh có vướng vào tệ nạn xã hội không chăm lo được cho vợ con, nên vợ chồng đã sống ly thân từ khoảng 4 năm nay. Đến nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị U làm đơn ly hôn anh nhất trí.

Về con chung: Khi ly hôn nguyện vọng của cả hai vợ chồng đều có nguyện vọng nuôi con. Tuy nhiên, anh H mắc tệ nạn xã hội đã không quan tâm, chăm sóc con, cháu Đông Thị Minh H1, sinh ngày 21/9/2014 đã sống cùng mẹ từ khi vợ chồng anh chị ly thân. Do đó, để đảm bảo sự phát triển toàn diện của các con, trên có sở ý kiến của con và điều kiện của mỗi bên. Giao con Đông Thị Minh H1, sinh ngày 21/9/2014 cho chị Nguyễn Thị U trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Con Đông Thị Khánh H2 sinh ngày 07/7/2000 đã trưởng thành, Tòa án không giải quyết.

Về cấp dưỡng nuôi con không đề nghị Tòa án giải quyết; Về tài sản chung và nợ chung: vợ chồng xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký phiên tòa, Hội đồng xét xử tiến hành tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự. Nguyên đơn chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 71, bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình quy định tại Điều 72 của BLTTDS.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, 39, 147, 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Nguyễn Thị U được ly hôn với anh Đông Văn H; Về con chung: Giao con chung là Đông Thị Minh H1, sinh ngày 21/9/2014 cho chị Nguyễn Thị U trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở; Về cấp dưỡng nuôi con: không xem xét; Về tài sản chung, công nợ chung: Không xem xét giải quyết; Về án phí: chị T phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm nộp Ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa, xem xét ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Theo nội dung đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị U xin ly hôn, nuôi con chung với anh Đông Văn H, cư trú tại tổ A, phường C, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên. Đây là vụ án về tranh chấp ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị U và anh Đông Văn H có đăng ký kết năm 2003 tại UBND thị trấn C (nay là phường C, TP T), tỉnh Thái Nguyên. Việc kết hôn là tự nguyện, không bị lừa dối, cưỡng ép, căn cứ các Điều 8 và Điều 9 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị U và anh Đông Văn H là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

[2.2]. Về tình cảm vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân: Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc. Sau đó, trong quá trình chung sống vợ chồng xảy ra những mâu thuẫn, thường xuyên xô xát... Đến nay chị U xác định không còn tình cảm với anh H nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị và anh H ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị U và anh H là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014, HĐXX nhận thấy yêu cầu xin ly hôn của anh Hoàng Văn C là có căn cứ và được chấp nhận.

[2.3]. Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân Chị Nguyễn Thị U và anh Đông Văn H có 02 con chung là 02 con chung là Đông Thị Khánh H2, sinh ngày 07/7/2000 và Đông Thị Minh H1, sinh ngày 21/9/2014.

Căn cứ Điều 81,82,83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, HĐXX thấy rằng cần giao con chung là Đông Thị Minh H1, sinh ngày 21/9/2014 cho chị Nguyễn Thị U trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi sẽ phù hợp với quy định của pháp luật và nguyện vọng của con. Anh Đông Văn H được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Đối với con chung là Đông Thị Khánh H2, sinh ngày 07/7/2000 đã trưởng thành Toà án không xem xét.

Về cấp dưỡng nuôi con: Quá trình giải quyết chị U, anh H không đề nghị nên HĐXX không xem xét.

Cha mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Khi xét thấy cần thiết hoặc do điều kiện sống có sự thay đổi, vợ chồng có thỏa thuận khác phù hợp với quy định pháp luật và vì lợi ích của con chung, các bên có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu thay đổi hoặc chấm dứt mức cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

2.3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét.

2.4. Về án phí: chị Nguyễn Thị U phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 8, Điều 9, Điều 51, 56, 57, Điều 81, 82, và Điều 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị U về việc yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn với chị Phạm Thị T1.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị U được ly hôn với anh Đông Văn H

2. Về con chung: Giao con Đông Thị Minh H1, sinh ngày 21/9/2014 cho chị Nguyễn Thị U trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác. Anh Đông Văn H được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị U, anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Cha mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Khi xét thấy cần thiết hoặc do điều kiện sống có sự thay đổi, vợ chồng có thỏa thuận khác phù hợp với quy định pháp luật và vì lợi ích của con chung, các bên có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu hoặc thay đổi mức cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung, công nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

4. Về án phí: chị Nguyễn Thị U phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nộp ngân sách nhà nước, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số ngày tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND TP. Thái Nguyên;
- THAD TP. Thái Nguyên;
- UBND P. Phan Đình Phùng, TP. Thái Nguyên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Dương Thị Liên